

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 162/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 20/8/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	90	11,57		
1	Lệ phí				
2	Phí	90	11,571		
	Thẩm định điều kiện hoạt động lĩnh vực bưu chính	5	0		
	Thẩm định văn hoá phẩm	85	11,571	13,61%	42,37%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
2	Phí	90,00	11,57	12,86%	42,37%
	Thẩm định điều kiện hoạt động lĩnh vực bưu chính	5,00	0,00	0,00%	0,00%
	Thẩm định văn hoá phẩm	85,00	11,57	13,61%	42,37%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.808			
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.502			
1	Chi quản lý hành chính	4.808	933	19,61%	97,97%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.421	867	19,61%	97,97%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	387	66	17,05%	
2	Nghiên cứu khoa học				

2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	0			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.694			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.694	0,000	0,00%	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu	0			
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi Chương trình mục tiêu				
	Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin				

Ngày 15 tháng 4 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hữu Hạnh

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 162/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 20/8/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	90	44		
1	Lệ phí				
2	Phí	90,00	44,13	51,92%	112,35%
	Thẩm định điều kiện hoạt động lĩnh vực bưu chính	5,00	0		
	Thẩm định văn hoá phẩm	85,00	44,13	51,92%	112,35%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
2	Phí	77,0	39,72		
	Thẩm định điều kiện hoạt động lĩnh vực bưu chính				
	Thẩm định văn hoá phẩm	77	39,72	51,58%	81,00%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.514			
I	Nguồn ngân sách trong nước	22.492			
1	Chi quản lý hành chính	6.514	2.402	40,90%	106,54%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.421	1.808	40,90%	106,54%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.093	594	28,39%	1697,91%
2	Nghiên cứu khoa học				

2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0		
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	15.978	3.939	24,65%	110,86%
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.978	3.939	24,65%	110,86%
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu	0			
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia Chương trình xây dựng mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững				
2	Chi Chương trình mục tiêu Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin				

Ngày 15 tháng 7 năm 2022
 Thủ trưởng đơn vị *Nguyễn Văn Hạnh*


CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ III NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 162/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 20/8/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Sóc Trăng công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách quý I năm 2021 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện Quý II năm 2022	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	127	44		
1	Lệ phí				
2	Phí	127	44		
a	Phí thẩm định điều kiện hoạt động lĩnh vực BC-VT	5	0	0,00%	100%
b	Phí thẩm định xuất bản tài liệu không kinh doanh	122	44	36,07%	293,33%
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
1	Lệ phí				
2	Phí	114,30	11,43		
a	Phí thẩm định điều kiện hoạt động lĩnh vực BC-VT	4,5	0,45	10,00%	
b	Phí thẩm định xuất bản tài liệu không kinh doanh	109,8	10,98	10,00%	172,68%
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	34.793	6.294	95,19%	
1	Chi quản lý hành chính	8.939	2.356	26,36%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.460	1.807	12,31%	204,18%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.479	549	0,00%	119%
2	Nghiên cứu khoa học	8.706	0	0,00%	100%

2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.706		0,00%	100%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế	137		0,00%	50%
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	137		0,00%	50%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	15.978	3.938	25%	110%
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.978	3.938	25%	110%
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
11	Chi Chương trình mục tiêu	1.033	0	0,00%	100%
11.1	Chương trình xây dựng mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới	1.000	0	0,00%	100%
11.2	Chương trình mục tiêu quốc gia truyền thông và giảm nghèo về thông tin	33	0	0,00%	100%

Ngày 14 tháng 10 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Hữu Hạnh